TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **137**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân**:*** Bà Phạm Thị Tuyết Nhung và bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2022 ngày 13/6/2022, về việc*"*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộng Đ

Địa chỉ: Trường tiểu học xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk), có đơn đề nghị xử mặt

Bị đơn: Anh Rơ Lan N (Ra Lan N)

Địa chỉ: 345 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Chị Trần Thị Mộng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và và anh Rơ Lan N (Ra Lan N) chung sống với nhau tự nguyện có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 14/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B . Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn,nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ghen tuông vô cớ, chồng không có trách nhiệm với vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Ra Lan N .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Ra Lan Triệu T , sinh ngày 03/10/2011 và Ra Lan Triệu P , sinh ngày 04/01/2014, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Ra Lan N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Đối với bị đơn anh Ra Lan Ng : Quá trình giải quyết vụ án không lên Tòa án tham gia tố tụng và xác minh tại địa phương cho biết hiện nay anh Ra Lan Ngô còn sinh sống tại địa phương, vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra nhưng mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ, hiện nay chi Đ và hai con đã đi ở nơi khác, không sống chung với anh Ra Lan N nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Thị Mộng Đ ; Cho Chị Trần Thị Mộng Đ được ly hôn với anh Ra Lan N ; Về con chung: Giao cháu Ra Lan Triệu T , sinh ngày 03/10/2011 và Ra Lan Triệu P sinh ngày 04/01/2014 cho Chị Trần Thị Mộng Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Nguyên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là ly hôn và nuôi con, đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

[3.1].Chị Trần Thị Mộng Đ và anh Ra Lan N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ

hôn nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ghen tuông vô cớ nên làm cho vợ chồng luôn bất hòa, sống không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh Ra Lan N đã rất trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Điệp là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

……..

[3.2].Về con chung: Chị Đ và anh Ra Lan N có hai con chung Ra Lan Triệu T , sinh ngày 03/10/2011 và Ra Lan Triệu P sinh ngày 04/01/2014, khi ly hôn chị Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai cháu đang ở với chị Đ và lời khai của hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị Đ nên Hội đồng xét xử cần giao cháu T và cháu P cho Chị Trần Thị Mộng Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3].Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Thị Mộng Đ

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mộng Đ được ly hôn với anh Ra Lan N .

2.Về con chung: Giao cháu Ra Lan Triệu T , sinh ngày 03/10/2011 và Ra Lan Triệu P sinh ngày 04/01/2014 cho Chị Trần Thị Mộng Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn Chị Trần Thị Mộng Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0019583 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P.Thống Nhất; TP. BMT
- Các đương sự; Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Lê Thị Mai